

Bản án số: 105 /2024/DS-PT
Ngày 04 -7- 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Đặng Văn Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2024/TLPT-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thành phần gồm Hội đồng xét xử, kiểm sát viên, Thư ký phiên Tòa. Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, thành phần gồm các đương sự.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 116/2023/DS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Thông báo số 203/TB-DS ngày 25/6/2024 phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu Tòa án nhân dân huyện C, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Giang Minh C, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A B, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Giang Minh C: Ông Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh “Theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2023” (có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Ú, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: **ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**

Người kháng cáo: Bà **Huỳnh Thị Ú** là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Trong thời gian ông **Giang Minh C** là Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Huỳnh Thị Ú** trong các vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, ông **C** có cho bà **Ú** mượn tiền 04 lần theo 04 biên nhận do bà **Ú** trực tiếp ký tên, cụ thể như sau:

- + Lần thứ 1: Ngày 01/7/2020 là 200.000.000 đồng.
- + Lần thứ 2: Ngày 24/07/2020 là 100.000.000 đồng.
- + Lần thứ 3: Ngày 21/9/2020 là 50.000.000 đồng.
- + Lần thứ 4: Ngày 09/12/2020 là 30.000.000 đồng.

Nay ông **Giang Minh C** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Huỳnh Thị Ú** trả số tiền đã vay tổng cộng là 495.000.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 380.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng đối với các lần vay là 115.000.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông **C** xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi đối với 02 biên nhận: Lần thứ 3: ngày 21/9/2020 là 50.000.000 đồng và lần thứ 4: ngày 09/12/2020 là 30.000.000 đồng. Ông xin rút một phần yêu cầu trả lại phần nợ gốc là 10.000.000 đồng đối với biên nhận 50.000.000 đồng.

Đối với 02 biên nhận lần thứ nhất và thứ 2 ông yêu cầu tính lãi 1%/tháng vì ông cho rằng tiền cho bà **Ú** mượn là nguồn tiền từ vay ngân hàng.

+ Lần thứ 1: ngày 01/7/2020 là 200.000.000 đồng tính lãi từ ngày 01/7/2020 đến ngày 21/9/2023 là 03 năm 2 tháng 20 ngày là 76.133.000 đồng.

+ Lần thứ 2: ngày 24/07/2020 là 100.000.000 đồng tính lãi từ ngày 01/7/2020 đến ngày 21/9/2023 là 03 năm 02 tháng 38.000.000 đồng.

*- Bị đơn bà **Huỳnh Thị Ú** có lời trình bày:* Bà thừa nhận có viết và trực tiếp ký tên vào các biên nhận như ông **C** trình bày nhưng trên thực tế bà không có nhận tiền từ ông **C**. Lý do bà ký vào các biên nhận này là do ông **Giang Minh C** lúc đó đang là Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà, Luật sư **C** nói gì, kêu bà làm gì bà cũng làm theo vì bà rất tin tưởng ông **C**, bà ký các biên nhận này vì ông **C** phân tích hồ sơ tranh chấp đất của bà có khả năng thắng kiện rất cao, nếu thắng kiện tài sản khoản mấy tỷ đồng, bà tự nguyện ký để làm tin sau

này thắng kiện để có cơ sở trả tiền cho ông C, ngoài ra bà còn trình bày số tiền này ông C nói cho bà biết là sử dụng để giải quyết vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 116/2023/DS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463; 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Giang Minh C**.

Buộc bà **Huỳnh Thị Ú** phải trả cho ông **Giang Minh C** tổng số tiền là 484.133.000 đồng. Trong đó 370.000.000 đồng tiền nợ gốc và 114.133.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/9/2023, bà **Huỳnh Thị Ú** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông **Giang Minh C** về việc yêu cầu bà trả số tiền bằng 380.000.000 đồng và tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện kèm theo tài liệu chứng cứ thể hiện qua 04 biên nhận nợ bà **Ú** viết và ký tên thể hiện bà **Ú** nợ ông **C** số tiền bằng 380.000.000 đồng. Bà **Ú** thừa nhận các biên nhận là do bà viết và ký tên, không bị ép buộc, việc bà ký tên trong các biên nhận là theo yêu cầu của ông **C** do bà tin tưởng ông **C**, nhưng thực tế bà không nhận tiền từ ông **C**. Quá trình giải quyết vụ án, bà **Ú** không chứng minh việc bà không nhận tiền, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà **Ú**. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ú thấy rằng:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ú1 Em vẫn giữ yêu cầu buộc bà Huỳnh Thị Ú hoàn trả số tiền vay, mượn tại 04 biên nhận: Ngày 01/7/2020 là 200.000.000 đồng; biên nhận ngày 24/7/2020 là 100.000.000 đồng; biên nhận ngày 21/9/2020 là 50.000.000 đồng; biên nhận ngày 09/12/2020 là 30.000.000 đồng, trong đó yêu cầu tính lãi 02 biên nhận ngày 01/7/2020 và 24/7/2020 đối với 02 biên nhận ngày 21/9/2020 và biên nhận 09/12/2020 không yêu cầu tính lãi và có sự thay đổi yêu cầu rút lại số tiền 10.000.000 đồng tại biên nhận ngày 21/9/2020 sang biên nhận ngày 09/12/2020.

Bà Huỳnh Thị Ú thừa nhận có viết các biên nhận vay tiền của nguyên đơn, nhưng cho rằng không có nhận tiền của các biên nhận nêu trên. Tại phiên Tòa, bà Huỳnh Thị Ú không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh là bà không có nhận tiền từ các biên nhận đó. Mặc khác, tại bút lục số 138 và bút lục 115, bà Ú không thừa nhận có cùng ông C đến Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh tỉnh T và cũng không có ký bất kỳ giấy tờ gì tại Ngân hàng, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà thừa nhận có đến Ngân hàng, có cầm 200.000.000 đồng tại Ngân hàng, khi ra cửa thì giao lại cho ông C, điều đó chứng tỏ bà Ú chưa trung thực trong lời khai của bà. Sự việc, bà Ú thừa nhận ngày 01/7/2020 có mặt tại Ngân hàng là phù hợp lời trình bày của ông C và anh H tại các bút lục 19 và bút lục 161 có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét kháng cáo của bà. Do đó, án sơ thẩm xử buộc bà Huỳnh Thị Ú có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Giang Minh C số tiền vay, mượn 370.000.000 đồng và tiền lãi 114.133.000 đồng có căn cứ.

[3] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ và phúc thẩm: Do bà Huỳnh Thị Ú là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, miễn án phí sơ và phúc thẩm cho bà Huỳnh Thị Ú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Út

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 116/2023/DS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Giang Minh C**

Buộc bà **Huỳnh Thị Út** có nghĩa vụ trả cho ông **Giang Minh C** số tiền là 484.133.000 đồng (trong đó nợ gốc là 370.000.000 đồng, lãi 114.133.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho bà **Huỳnh Thị Út**.

3. Án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà **Huỳnh Thị Út**, nên bà **Huỳnh Thị Út** được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng tại biên lai số 0018808 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Long